TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2019
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị M, sinh năm 1976 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đông X, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp M, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Hồ Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hồ Thị M và ông Nguyễn Đông X (sau đây gọi tắt là bà M, ông X) đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/12/1995. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 24 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng

không hòa hợp nên thường cãi nhau. Mỗi lần cự cãi ông X có lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm và đuổi bà M ra khỏi nhà nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, bà M yêu cầu được ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà M và ông X có 01 người con chung tên Nguyễn Nhựt Khoa, sinh năm 1996 (đã trưởng thành và có gia đình riêng). Bà M không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về chia tài sản chung: Bà M và ông X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2019 bị đơn ông Nguyễn Đông X trình bày:

Bà M yêu cầu ly hôn ông X không đồng ý vì còn thương bà M. Ông X thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đôi lúc nóng giận ông X có đuổi bà M ra khỏi nhà. Nhận thấy việc làm của mình là sai, ông X hứa sẽ sửa đổi và muốn được hàn gắn với bà M. Hiện nay bà M đang đi làm thuê tại tỉnh Đồng Nai, ông X muốn bà M về để cùng chăm lo cho gia đình.

Về con chung: Ông X, bà M có 01 người con chung tên Nguyễn Nhựt Khoa, sinh năm 1996, đã trưởng thành và có gia đình riêng. Ông X không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn của bà M, ông X, bản sao sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân tên Hồ Thị M, đơn xác nhận nơi cư trú của ông X.

Bị đơn cung cấp: Bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Đông X và bản tự khai ngày 12/7/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đông X được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông X không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Đông X.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà M và ông X là hợp pháp. Theo bà M trình bày trong thời gian chung sống bà M và ông X thường xảy ra mâu thuẫn, ông X có những

lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm và đuổi bà M ra khỏi nhà. Tại bản tự khai ngày 12/7/2019 ông X thừa nhận trong lúc nóng giận ông X có đuổi bà M ra khỏi nhà và hứa sẽ sửa đổi tính tình để vợ chồng hàn gắn nhưng bà M kiên quyết xin ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng của bà M đối với ông X không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Hơn nữa, nếu bà M kiên quyết xin ly hôn và không muốn tiếp tục chung sống với ông X thì cũng không thể ép buộc bà M phải tiếp tục chung sống với ông X. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông X nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông X đều cố tình vắng mặt. Từ những lý do trên, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho bà M được ly hôn với ông X.

[3]. Về con chung: Bà M và ông X có 01 người con chung tên Nguyễn Nhựt Khoa, sinh năm 1996, đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về chia tài sản chung: Bà M và ông X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002922 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị M và ông Nguyễn Đông X.

2. Về con chung: Bà M và ông X có 01 người chung tên Nguyễn Nhựt Khoa, sinh năm 1996, đã trưởng thành và có gia đình riêng. Bà M, ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét không xem xét.

3. *Về chia tài sản chung:* Bà M và ông X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ

vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002922 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh